**BẢNG ĐẶC TẢ VÀ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 12; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/**  **kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năngcần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| 1 | ĐỌC HIỂU | - **Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX;** **truyện hiện đại nước ngoài**  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu.  - Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,...của văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,...  - Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài.  - Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. | 2 | 1 | 1 | 0 | 4 |
| **Kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế** kỉ XX  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật quan của văn bản/đoạn trích: tư tưởng tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch,...  - Hiểu được một số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. |
| **Văn bản nghị luận hiện đại**  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  **-** Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.  - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...  **Thông hiểu:**  - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích.  - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.  - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại.  **Vận dụng:**- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |
| 2 | VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC | Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:  - *Vợ chồng A Phủ* (trích) của Tô Hoài  - *Vợ nhặt* của Kim Lân  - *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành  - *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi  - *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu | **Nhận biết:**  - Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,...  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ.  - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam, được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1 \* |
| Nghị luận về một đoạn trích kịch: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) của Lưu Quang Vũ | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Nhận diện nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng; đặc sắc trong ngôn ngữ đối thoại, xung đột, ngôn ngữ,...  - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của kịch hiện đại Việt Nam, được thể hiện trong đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để thể hiện cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của kịch hiện đại.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **5** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | | **100** |

**Lưu ý:**

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng).

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần Làm văn.

- (1\*) Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.